TRƯỜNG ĐH KIẾN TRÚC HÀ NỘI
HĐTS ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ
THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN SINH

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Cơ sở đào tạo	Ngành	Kết quả tuyển sinh	Đánh giá	Ghi chú
1.	Bùi Hữu Chánh	Nam	30/10/2002	CKT12601	ĐH Kiến trúc HN	Kiến trúc	75,4	Đạt	
2.	Phạm Đức Dũng	Nam	01/12/1998	CKT12602	ĐH Kiến trúc HN	Kiến trúc	76,4	Đạt	
3.	Bùi Quang Dũng	Nam	21/09/1985	CKT12603	ĐH Kiến trúc HN	Kiến trúc	80,8	Đạt	
4.	Nguyễn Hoàng Hà	Nam	20/08/2002	CKT12604	ĐH Kiến trúc HN	Kiến trúc	73,8	Đạt	
5.	An Xuân Hiếu	Nam	07/12/2002	CKT12605	ĐH Kiến trúc HN	Kiến trúc	71,2	Đạt	
6.	Nguyễn Đức Hiếu	Nam	20/08/1998	CKT12606	ĐH Kiến trúc HN	Kiến trúc	76,2	Đạt	
7.	Đào Phương Linh	Nữ	27/03/2000	CKT12607	ĐH Kiến trúc HN	Kiến trúc	75,2	Đạt	
8.	Lê Văn Long	Nam	17/01/1997	CKT12608	ĐH Kiến trúc HN	Kiến trúc	76,0	Đạt	
9.	Vũ Thành Long	Nam	17/03/2002	CKT12609	ĐH Kiến trúc HN	Kiến trúc	71,0	Đạt	
10.	Trần Quang Thái	Nam	08/03/1995	CKT12610	ĐH Kiến trúc HN	Kiến trúc	72,6	Đạt	
11.	Ngô Hoàng Anh	Nam	13/08/2001	CQH12601	ĐH Kiến trúc HN	Quy hoạch vùng và đô thị	80,6	Đạt	
12.	Nguyễn Xuân Hà	Nam	07/05/2000	CQH12602	ĐH Kiến trúc HN	Quy hoạch vùng và đô thị	73,4	Đạt	
13.	Phạm Duy Hưng	Nam	04/10/1982	CQH12603	ĐH Kiến trúc HN	Quy hoạch vùng và đô thị	80,8	Đạt	
14.	Đỗ Thuỳ Linh	Nữ	25/02/2000	CQH12604	ĐH Kiến trúc HN	Quy hoạch vùng và đô thị	78,6	Đạt	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Cơ sở đào tạo	Ngành	Kết quả tuyển sinh	Đánh giá	Ghi chú
15.	Nguyễn Đức Nam	Nam	03/12/2002	CQH12605	ĐH Kiến trúc HN	Quy hoạch vùng và đô thị	76,0	Đạt	
16.	Lê Thị Hồng Ngọc	Nữ	25/02/1992	CQH12606	ĐH Kiến trúc HN	Quy hoạch vùng và đô thị	78,0	Đạt	
17.	Hoàng Thu Trà	Nữ	19/04/2000	CQH12607	ĐH Kiến trúc HN	Quy hoạch vùng và đô thị	77,8	Đạt	
18.	Đoàn Ngọc Bách	Nam	08/12/1996	CQL12601	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	77,4	Đạt	
19.	Uông Đình Công	Nam	26/07/1997	CQL12602	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	78,0	Đạt	
20.	Cao Xuân Dũng	Nam	24/06/1981	CQL12603	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	77,4	Đạt	
21.	Lê Đình Duy	Nam	22/07/1997	CQL12605	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	76,8	Đạt	
22.	Uông Khương Duy	Nam	22/01/1999	CQL12606	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	73,8	Đạt	
23.	Nguyễn Thảo Duyên	Nữ	27/07/2001	CQL12607	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	78,6	Đạt	
24.	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	11/05/2000	CQL12608	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	75,6	Đạt	
25.	Trần Mạnh Hùng	Nam	02/02/1999	CQL12609	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	75,0	Đạt	
26.	Nguyễn Lê Huy	Nam	15/11/1999	CQL12610	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	75,2	Đạt	
27.	Trần Thanh Lâm	Nam	20/11/1998	CQL12613	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	73,8	Đạt	
28.	Chu Ngọc Long	Nam	03/09/2003	CQL12616	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	74,8	Đạt	
29.	Nguyễn Thị Mến	Nữ	27/09/1981	CQL12617	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	78,4	Đạt	
30.	Nguyễn Quỳnh Nga	Nữ	25/01/1982	CQL12619	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	76,0	Đạt	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Cơ sở đào tạo	Ngành	Kết quả tuyển sinh	Đánh giá	Ghi chú
31.	Hàn Anh Quân	Nam	30/11/1997	CQL12621	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	75,6	*Đạt*	
32.	Bùi Anh Quân	Nam	08/11/2002	CQL12622	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	74,4	*Đạt*	
33.	Trần Minh Quang	Nam	16/08/1999	CQL12624	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	74,0	*Đạt*	
34.	Đinh Thị Quỳnh	Nữ	01/10/1999	CQL12625	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	-	-	Vắng mặt
35.	Lê Văn Đức Thắng	Nam	21/10/2003	CQL12626	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	76,4	*Đạt*	
36.	Hoàng Văn Thịnh	Nam	10/07/1977	CQL12627	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	78,0	*Đạt*	
37.	Mai Hữu Tốn	Nam	20/03/1994	CQL12628	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	78,6	*Đạt*	
38.	Đỗ Sơn Tùng	Nam	30/07/2002	CQL12630	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	74,4	*Đạt*	
39.	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	15/04/1988	CQL12631	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	79,2	*Đạt*	
40.	Lê Ngọc Vân	Nữ	18/09/1982	CQL12632	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	74,2	*Đạt*	
41.	Nguyễn Văn Dương	Nam	30/01/2003	CQL12604	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	75,6	*Đạt*	
42.	Lã Tuấn Huy	nam	01/05/2001	CQL12611	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	83,6	*Đạt*	
43.	Giáp Thị Tú Lam	Nữ	20/10/2000	CQL12612	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	80,2	*Đạt*	
44.	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	12/06/2002	CQL12614	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	78,0	*Đạt*	
45.	Nguyễn Thanh Long	Nam	02/07/1995	CQL12615	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	75,0	*Đạt*	
46.	Đặng Trà My	Nữ	23/07/2001	CQL12618	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	84,0	*Đạt*	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Cơ sở đào tạo	Ngành	Kết quả tuyển sinh	Đánh giá	Ghi chú
47.	Lương Hồng Phong	Nam	01/07/2002	CQL12620	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	78,6	Đạt	
48.	Đỗ Hồng Quân	Nam	20/02/2003	CQL12623	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	83,0	Đạt	
49.	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	13/12/1996	CQL12629	ĐH Kiến trúc HN	Quản lý đô thị và công trình	76,4	Đạt	
50.	Nguyễn Nam Cao	Nam	16/02/1993	CXD12601	ĐH Kiến trúc HN	Kỹ thuật xây dựng	76,0	Đạt	
51.	Bùi Văn Chiến	Nam	06/03/1993	CXD12602	ĐH Kiến trúc HN	Kỹ thuật xây dựng	85,4	Đạt	
52.	Vũ Thị Dung	Nữ	16/02/2000	CXD12603	ĐH Kiến trúc HN	Kỹ thuật xây dựng	83,0	Đạt	
53.	Phạm Tuấn Hưng	Nam	14/12/2000	CXD12604	ĐH Kiến trúc HN	Kỹ thuật xây dựng	78,0	Đạt	
54.	Trần Thanh Bình	Nam	05/04/1996	CKX12601	ĐH Kiến trúc HN	Kinh tế xây dựng	85,0	Đạt	
55.	Nguyễn Thành Công	Nam	06/02/1987	CKX12602	ĐH Kiến trúc HN	Kinh tế xây dựng	85,2	Đạt	
56.	Nguyễn Thị Phương Duyên	Nữ	30/03/1992	CKX12603	ĐH Kiến trúc HN	Kinh tế xây dựng	81,8	Đạt	
57.	Hà Duy Hùng	Nam	14/09/1990	CKX12604	ĐH Kiến trúc HN	Kinh tế xây dựng	84,2	Đạt	
58.	Nguyễn Viết Khải	Nam	03/12/2003	CKX12605	ĐH Kiến trúc HN	Kinh tế xây dựng	75,8	Đạt	
59.	Phạm Thị Trà My	Nữ	18/11/1996	CKX12606	ĐH Kiến trúc HN	Kinh tế xây dựng	83,8	Đạt	
60.	Đinh Thái Phúc	Nam	21/04/2001	CKX12607	ĐH Kiến trúc HN	Kinh tế xây dựng	81,2	Đạt	
61.	Trần văn Anh	Nam	23/10/2001	CNT12601	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế nội thất	76,5	Đạt	
62.	Trần Lê Châu Anh	Nữ	16/11/2002	CNT12602	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế nội thất	75,8	Đạt	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Cơ sở đào tạo	Ngành	Kết quả tuyển sinh	Đánh giá	Ghi chú
63.	Nguyễn Hoàng Anh	Nữ	29/11/1983	CNT12603	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế nội thất	79,5	Đạt	
64.	Trần Văn Chức	Nam	08/08/1990	CNT12604	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế nội thất	78,0	Đạt	
65.	Chu Thị Hải Hà	Nữ	04/11/2002	CNT12605	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế nội thất	77,5	Đạt	
66.	Nguyễn Thị Huế	Nữ	16/11/2003	CNT12606	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế nội thất	79,0	Đạt	
67.	Lê Thị Thu Huyền	Nữ	18/08/2000	CNT12607	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế nội thất	76,8	Đạt	
68.	Hoàng Thị Lan	Nữ	20/02/2001	CNT12608	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế nội thất	80,0	Đạt	
69.	Trần Diệu Linh	Nữ	12/05/1997	CNT12609	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế nội thất	81,8	Đạt	
70.	Cao Ngọc Mai	Nữ	22/08/2001	CNT12610	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế nội thất	75,5	Đạt	
71.	Dương Thanh Phúc	Nam	24/07/1993	CNT12611	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế nội thất	76,5	Đạt	
72.	Hoàng Chu Quân	Nam	23/12/2003	CNT12612	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế nội thất	81,0	Đạt	
73.	Nguyễn Thị Minh Tâm	Nữ	30/10/2003	CNT12613	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế nội thất	77,5	Đạt	
74.	Dương Thị Thúy	Nữ	30/04/1998	CNT12614	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế nội thất	75,3	Đạt	
75.	Phạm Phương Anh	Nữ	23/08/2003	CĐH12601	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	81,6	Đạt	
76.	Đặng Thị Phương Anh	Nữ	05/03/2001	CĐH12602	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	83,8	Đạt	
77.	Nguyễn Viết Hà Anh	Nữ	27/08/2002	CĐH12603	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	84,0	Đạt	
78.	Giang Huyền Anh	Nữ	04/03/2003	CĐH12604	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	72,0	Đạt	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Cơ sở đào tạo	Ngành	Kết quả tuyển sinh	Đánh giá	Ghi chú
79.	Nguyễn Lê Phương Anh	Nữ	01/06/2000	CĐH12605	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	67,6	Đạt	
80.	Lê Thị Bảo Châu	Nữ	19/08/1998	CĐH12606	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	67,4	Đạt	
81.	Nguyễn Thị Việt Chinh	Nữ	12/02/1997	CĐH12607	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	83,6	Đạt	
82.	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	09/11/1992	CĐH12608	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	77,2	Đạt	
83.	Lê Minh Đức	Nam	19/04/2002	CĐH12609	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	79,8	Đạt	
84.	Lương Thị Ngọc Hà	Nữ	11/01/2002	CĐH12610	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	72,4	Đạt	
85.	Phan Thùy Linh	Nữ	22/04/1996	CĐH12611	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	72,6	Đạt	
86.	Đỗ Nguyễn Hoàng Linh	Nữ	23/09/2002	CĐH12612	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	75,2	Đạt	
87.	Phạm Quỳnh Mai	Nữ	03/05/2002	CĐH12613	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	82,8	Đạt	
88.	Đỗ Thị Quỳnh Nga	Nữ	26/12/1996	CĐH12614	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	75,6	Đạt	
89.	Vũ Minh Ngọc	Nữ	26/02/2002	CĐH12615	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	72,4	Đạt	
90.	Hoàng Anh Phúc	Nam	16/12/2000	CĐH12616	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	60,8	Đạt	
91.	Tăng Mai Phương	Nữ	12/11/2004	CĐH12617	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	81,8	Đạt	
92.	Ngô Thị Diệu Phương	Nữ	15/03/1994	CĐH12618	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	81,2	Đạt	
93.	Nguyễn Thu Phương	Nữ	12/03/2002	CĐH12619	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	83,6	Đạt	
94.	Nguyễn Ánh Phương	Nữ	09/12/1996	CĐH12620	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	79,8	Đạt	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Cơ sở đào tạo	Ngành	Kết quả tuyển sinh	Đánh giá	Ghi chú
95.	Dương Diễm Quỳnh	Nữ	11/11/2003	CĐH12621	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	**59,8**	*Đạt*	
96.	Lê Thị Thương	Nữ	20/10/2002	CĐH12622	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	**84,8**	*Đạt*	
97.	Nguyễn Thị Thuỷ Tiên	Nữ	26/11/2002	CĐH12623	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	**80,4**	*Đạt*	
98.	Nguyễn Văn Trung	Nam	18/12/2003	CĐH12624	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	**84,3**	*Đạt*	
99.	Phùng Văn Tuấn	Nam	09/06/2003	CĐH12625	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	**85,1**	*Đạt*	
100.	Phạm Thị Lệ Xuân	Nữ	19/08/2002	CĐH12626	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	**76,2**	*Đạt*	
101.	Nguyễn Thị Yến	Nữ	16/03/1992	CĐH12627	ĐH Kiến trúc HN	Thiết kế đồ hoạ	**76,2**	*Đạt*	

Tổng số **101** người.

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

PGS. TS. Vũ Ngọc Anh